TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 10 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Chi

Ông ChA Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 418/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Cẩm N, sinh năm 1992. Cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Phạm Hải A, sinh năm 1988. Cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Cẩm N và anh Phạm Hải A kết hôn năm 2012 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nên phát sinh mâu thuẫn. Từ nguyên nhân này, các đương sự xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống, chị N và anh A có 02 con chung gồm: Phạm Trần Thiên H, sinh ngày 15/01/2014 và Phạm Trần Gia H, sinh ngày 10/5/2015 do anh A đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn các đương sự thống nhất giao cho anh A tiếp tục nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Cẩm N và anh Phạm Hải A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Chị N và anh A kết hôn vào năm 2012 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và phát sinh mâu thuẫn nên không thể tiếp tục chung sống và đồng ý ly hôn với nhau.

Xét thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự tham gia hòa giải nhưng anh A đều vắng mặt và việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau thể hiện tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị N ly hôn với anh A là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung gồm: Phạm Trần Thiên H, sinh ngày 15/01/2014 và Phạm Trần Gia H, sinh ngày 10/5/2015. Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận giao cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Xét thấy, Thiên H và Gia H do anh A trực tiếp nuôi dưỡng và thỏa thuận việc nuôi con sau khi ly hôn của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh A không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Cẩm N. Cho chị N được ly hôn với anh Phạm Hải A.

2. Về con chung: Giao Phạm Trần Thiên H, sinh ngày 15/01/2014 và Phạm Trần Gia H, sinh ngày 10/5/2015 cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra; chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009863 ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị N đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.